

Số: 5521 /TTr-UBND

Khánh Hoà, ngày 27 tháng 7 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

Qua 5 năm thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (2011 - 2015) theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong bối cảnh tình hình kinh tế của tỉnh và cả nước gặp nhiều khó khăn, các cấp uỷ, các ngành, các cấp chung tay tạo điều kiện hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, góp phần nâng cao đời sống và bước đầu tạo động lực vươn lên thoát nghèo của đồng bào. Đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 giảm còn 19,5% (bình quân giảm 6,6%/năm); thu nhập bình quân của đồng bào DTTS đạt khoảng 8,2 triệu đồng/người/năm; 98% số hộ dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia; tỷ lệ lao động được đào tạo đạt trên 45%, trong đó tỷ lệ lao động người DTTS được đào tạo trên 20%; 100% xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh ra lớp đạt trên 99% ...

Công tác giảm nghèo tuy đã đạt được những kết quả nhất định nhưng chưa thực sự bền vững; nguy cơ tái nghèo của các hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo rất cao. Việc tiếp cận khoa học kỹ thuật của đồng bào còn hạn chế nên năng suất, chất lượng hiệu quả kinh tế chưa cao; việc lựa chọn xây dựng mô hình phát triển sản xuất phù hợp với đồng bào, một số địa phương cơ sở chưa thực sự quan tâm đúng mức; tính tự giác, chủ động trong phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của đồng bào còn hạn chế; một bộ phận đồng bào chưa muốn thoát nghèo vì sợ không còn sự hỗ trợ của Nhà nước; tình trạng sang nhượng đất đai trái phép trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi vẫn còn xảy ra. Kết quả điều tra hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số của 40 xã thuộc chương trình rất cao so với bình quân chung của tỉnh (hộ nghèo là 714,03%, hộ cận nghèo là 10,01%).

Nguyên nhân cơ bản của những tồn tại, hạn chế trên là do phụ thuộc vào điều kiện môi trường tự nhiên, địa bàn sinh sống; công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức thực hiện chưa thực sự sâu rộng đến từng người dân; chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong việc hướng dẫn, hỗ trợ đồng bào phát triển sản xuất; chính sách hỗ trợ các hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo của trung

ương và của tỉnh chậm được ban hành. Mặt khác, do tác động của suy thoái kinh tế, tình hình sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn cũng đã ảnh hưởng đến việc khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong đào tạo nghề giải quyết việc làm và tiêu thụ nông sản của đồng bào.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hoà lần thứ XVII, UBND tỉnh đã giao Ban Dân tộc xây dựng Đề án thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020. Trên cơ sở ý kiến của các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan tại cuộc họp ngày 26/4/2016 của UBND tỉnh về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020, Đề án đã được bổ sung hoàn thiện và Hội nghị lần thứ 04, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XVII) từ ngày 29 - 30/06/2016 thông qua.

Căn cứ công văn số 181/HĐND ngày 11/7/2016 của HĐND tỉnh về việc bố trí vốn hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo tổng hợp lồng ghép nguồn vốn hỗ trợ đầu tư của Chương trình 135 vào Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

UBND tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Cơ sở pháp lý:

- Kết luận số 57-KL/TW ngày 03/11/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX);

- Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội khoá XIII phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

- Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 đến 2020;

- Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

- Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

- Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS sau năm 2015;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 ngày 24/9/2015;

- Kế hoạch số 2515/KH-UBND ngày 24/4/2015 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020.

II. Mục tiêu của chương trình:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đảm bảo an sinh xã hội; nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng vùng dân tộc thiểu số và miền núi có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, tổ chức các hình thức sản xuất phù hợp, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thu hẹp dần khoảng cách với các vùng đồng bằng của tỉnh, góp phần giảm nghèo bền vững. củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể:

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số bình quân giảm 5% - 6%/ năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020. Phấn đấu đến năm 2020:

- Thu nhập bình quân của đồng bào dân tộc thiểu số đạt trên 12 triệu đồng/ người/ năm;

- 70% số xã miền núi đạt tiêu chí nông thôn mới về giao thông;

- Tỷ lệ lao động người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề từ trình độ sơ cấp trở lên đến năm 2020 đạt khoảng 40%, tập trung ưu tiên cho đối tượng thanh niên và đào tạo các nghề phi nông nghiệp;

- Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt trên 94%;

- Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 99%;

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10 tuổi trở lên biết chữ đạt trên 92%;

- Tỷ lệ dân số miền núi được sử dụng nước hợp vệ sinh trên 95%;

- Trên 40% hộ dân tộc thiểu số sử dụng hố xí hợp vệ sinh.

III. Phạm vi thực hiện:

Gồm 40 xã, trong đó 39 xã thuộc 03 khu vực vùng dân tộc và miền núi theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân tộc và 01 xã đồng bằng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng thôn, xóm (*phụ lục đính kèm*).

IV. Nội dung của chương trình:

1. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của

Nhà nước, từ đó hình thành ý thức tự lực, tự cường vươn lên trong cuộc sống. Nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tiêu biểu. Phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, công nghệ, quản lý và khai thác bền vững tài nguyên, môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, phục hồi các làng nghề truyền thống; nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng.

Kinh phí thực hiện: 3.600 triệu đồng (trong đó vốn lồng ghép thực hiện Chương trình 135 là 2.100 triệu đồng).

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững:

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển kinh tế hộ, thoát nghèo bền vững:

- Đối tượng: hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số;
- Số hộ được hỗ trợ: 10 hộ/năm, gồm 07 hộ nghèo và 03 hộ cận nghèo để hỗ trợ xây dựng mô hình.

- Mức hỗ trợ:

+ Đối với hộ nghèo: hỗ trợ một lần, tối đa 12 triệu đồng/ hộ;

+ Đối với hộ cận nghèo: hỗ trợ một lần, tối đa 10 triệu đồng/ hộ.

- Kinh phí thực hiện: 20.240 triệu đồng.

b) Hỗ trợ vay vốn nhân rộng mô hình phát triển kinh tế hộ:

Nhằm tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo DTTS phát triển kinh tế ổn định, tăng thu nhập, cải thiện nâng cao đời sống, thoát nghèo bền vững và nâng cao ý thức tự lực vươn lên của đồng bào, nhà nước hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo DTTS vay vốn để nhân rộng mô hình phát triển kinh tế hộ theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 và Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mức vay tối đa: 20 triệu đồng/ hộ;

- Thời hạn vay: từ 3 - 5 năm;

- Nhu cầu vốn vay: 86.720 triệu đồng.

c) Hỗ trợ lãi suất vay:

Đối với các hộ chưa được hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển kinh tế hộ, ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay vốn, cụ thể:

- Đối với hộ nghèo: hỗ trợ 100% lãi suất theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ.

- Đối với hộ cận nghèo: hỗ trợ 75% lãi suất theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với hộ mới thoát nghèo: hỗ trợ 50% lãi suất theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí hỗ trợ: 14.559 triệu đồng.

d) Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; thăm quan, học tập mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn về kỹ năng, tổ chức, quản lý sản xuất giúp đồng bào nâng cao kiến thức phát triển kinh tế hộ gia đình, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiếp cận tín dụng, thông tin thị trường, sử dụng đất đai có hiệu quả;

- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp; xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật, thâm canh; thăm quan, học tập mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả của đồng bào dân tộc thiểu số trong và ngoài tỉnh.

- Kinh phí thực hiện: 2.500 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 1.500 triệu đồng;

+ Huy động các nhóm cơ quan, đơn vị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, máy móc, vật tư nông nghiệp: 1.000 triệu đồng.

đ) Đối với 5 xã và 8 thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020, ngoài việc được hỗ trợ tại các điểm a, b, c, d khoản 2 phần V của chương trình, ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện các nội dung về hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định của Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 với mức hỗ trợ như sau:

- Xã đặc biệt khó khăn: 300 triệu đồng/ năm;

- Thôn đặc biệt khó khăn: 50 triệu đồng/ năm.

- Kinh phí thực hiện: 9.500 triệu đồng.

3. Thực hiện an sinh xã hội:

a) Hỗ trợ nước sinh hoạt:

- Hỗ trợ lắp đặt đường ống dẫn nước vào hộ gia đình: Đối với những khu vực được đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt, ngân sách tỉnh hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo DTTS bình quân 1,5 triệu đồng/ hộ để lắp đặt đường ống dẫn nước vào hộ gia đình (khoảng 2.100 hộ). Kinh phí thực hiện 3.150 triệu đồng;

- Hỗ trợ đào giếng nước: Đối với những khu vực chưa có hệ thống cấp nước, hỗ trợ bình quân 20 triệu đồng/ giếng (05 hộ/ giếng); trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% và ngân sách huyện 30% (dự kiến 50 giếng). Kinh phí thực hiện 1.000 triệu đồng.

b) Hỗ trợ về nhà ở:

Thực hiện Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà, số hộ cần phải sửa chữa nhà ở hư hỏng, xuống cấp là 378 hộ; bình quân 15 triệu đồng/ nhà. Kinh phí dự kiến 5.670 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn vay theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg: 3.780 triệu đồng (10 triệu đồng/nhà);

+ Huy động từ "Quỹ vì người nghèo" và cộng đồng: 1.890 triệu đồng.

c) Hỗ trợ đất ở:

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất, nhu cầu thực tế và mức hỗ trợ đất ở tại Quyết định 3045/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh Khánh Hoà, các địa phương xây dựng phương án giải quyết.

Đối tượng được hỗ trợ là hộ nghèo DTTS chưa được hỗ trợ đất ở hoặc hộ nghèo DTTS tách hộ có thời gian tối thiểu là 5 năm.

d) Hỗ trợ đất sản xuất:

Đối với hộ nghèo dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về đất sản xuất, thực hiện bóc tách đất của các nông, lâm trường đang quản lý để giao cho các hộ thiếu đất sản xuất. Trường hợp quỹ đất bóc tách không đủ đáp ứng, các hộ nghèo dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề theo Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 của UBND tỉnh Khánh Hoà; hoặc hỗ trợ xuất khẩu lao động theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà; hoặc được giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020.

Căn cứ nhu cầu thực tế, các địa phương xây dựng phương án trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

đ) Hỗ trợ đào tạo nghề:

Lồng ghép Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Khánh Hòa" theo Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 của UBND tỉnh Khánh Hoà, thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động DTTS gắn với việc làm, bao gồm: chi phí học nghề; vay vốn học nghề; vay vốn để tự tạo việc làm sau khi học nghề; hỗ trợ học nghề để chuyển đổi việc làm ... nhằm phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, tăng thu nhập của của đồng bào, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế vùng DTTS và miền núi.

4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

- Xây dựng, nâng cấp đường giao thông vào khu sản xuất, đường nội đồng, đường trục thôn, đường liên xóm; xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt;

- Hỗ trợ đầu tư công trình cơ sở hạ tầng cấp xã, thôn của Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 và duy tu, bảo dưỡng các công trình do UBND cấp xã quản lý đối với 5 xã và 8 thôn đặc biệt khó khăn.

- Kinh phí thực hiện: 644.365 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư chương trình: 154.271 triệu đồng;

+ Vốn lồng ghép Chương trình Nông thôn mới: 455.015 triệu đồng;

+ Vốn lồng ghép Chương trình 135: 35.079 triệu đồng.

V. Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020

Tổng kinh phí: 792.280,5 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 149.392 triệu đồng, gồm:

+ Vốn đầu tư phát triển: 107.000 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp kinh tế: 42.392 triệu đồng;

- Ngân sách cấp huyện: 47.571 triệu đồng;

- Vốn vay Ngân hàng CSXH: 90.500 triệu đồng;

- Vốn lồng ghép Chương trình Nông thôn mới: 455.015 triệu đồng;

- Vốn lồng ghép Chương trình 135: 46.912,5 triệu đồng, gồm:

+ Vốn đầu tư phát triển: 33.000 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp kinh tế: 13.912,5 triệu đồng;

- Vốn huy động: 2.890 triệu đồng.

Năm 2016 vẫn thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ của giai đoạn 2011 - 2015 và tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách mới để áp dụng cho giai đoạn 2017 - 2020 nhằm đạt mục tiêu của Chương trình.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua./.

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, HB, Hle.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)

Nguyễn Đắc Tài

PHỤ LỤC

*(Kèm theo Tờ trình số 552/TTTr-UBND ngày 2 tháng 4 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

STT	Huyện/ thị xã/ thành phố	Xã/ phường/ thị trấn	Khu vực
1	Huyện Khánh Vĩnh	14 xã	
		1. Xã Giang Ly	III
		2. Xã Sơn Thái	III
		3. Xã Khánh Hiệp	II
		4. Xã Khánh Bình	II
		5. Xã Khánh Trung	II
		6. Xã Khánh Đông	II
		7. Xã Khánh Nam	II
		8. Xã Khánh Thượng	II
		9. Xã Liên Sang	II
		10. Xã Cầu Bà	II
		11. Xã Khánh Thành	II
		12. Xã Khánh Phú	II
		13. Xã Sông Cầu	I
		14. Thị trấn Khánh Vĩnh	I
2	Huyện Khánh Sơn	8 xã	
		1. Xã Thành Sơn	III
		2. Xã Ba Cùm Nam	III
		3. Xã Sơn Lâm	II
		4. Xã Sơn Bình	II
		5. Xã Sơn Hiệp	II
		6. Xã Ba Cùm Bắc	II
		7. Xã Sơn Trung	I
		8. Thị trấn Tô Hạp	I
3	Huyện Cam Lâm	8 xã	
		1. Xã Sơn Tân	III
		2. Xã Cam Phước Tây	I

		3. Xã Cam Hiệp Bắc	I
		4. Xã Cam An Nam	I
		5. Xã Suối Cát	I
		6. Xã Suối Tân	I
		7. Xã Cam Tân	I
		8. Xã Cam Hoà	I
4	Thị xã Ninh Hoà	4 xã	
		1. Xã Ninh Tây	II
		2. Xã Ninh Sơn	I
		3. Xã Ninh Tân	I
		4. Xã Ninh Thượng	I
5	Thành phố Cam Ranh	4 xã	
		1. Xã Cam Thịnh Tây	II
		2. Xã Cam Thành Nam	I
		3. Xã Cam Phước Đông	I
		4. Phường Cam Phúc Nam (tổ dân phố Phúc Sơn)	
6	Huyện Diên Khánh	2 xã	
		1. Xã Diên Tân	I
		2. Xã Suối Tiên	I
Tổng cộng: 40 xã			

**NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Kèm theo Tờ trình số 55/QĐ-TT-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng số	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	Vốn vay	Vốn CT NTM	Vốn CT 135		Vốn huy động	Ghi chú
			DTPPT	SNKT				DTPPT	SNKT		
	Tổng vốn	792.280,5	107.000	42.392	47.571	90.500	455.015	33.000	13.912,5	2.890	
1	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật vùng DTTS và miền núi; nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng	3.600		1.500							
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững	133.519		36.299		86.720			9.500	1.000	
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển kinh tế hộ	20.240		20.240							
	- Hỗ trợ vay vốn nhân rộng mô hình phát triển kinh tế hộ	86.720				86.720					
	- Hỗ trợ lãi suất vay vốn nhân rộng mô hình	14.559		14.559							
	- Hỗ trợ các hoạt động KN, KL, KN, KC; tham quan học tập	2.500		1.500						1.000	
3	Thực hiện an sinh xã hội	9.820		3.850	300	3.780				1.890	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt										
	+ Hỗ trợ lắp đặt đường ống dẫn nước vào hộ gia đình	3.150		3.150							
	+ Hỗ trợ đào giếng nước	1.000		700	300						
	- Hỗ trợ sửa chữa nhà ở đồng bào DTTS	5.670				3.780					
4	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	644.365	107.000		47.271		455.015	33.000		1.890	
	- Đường vào khu sản xuất	154.271	107.000		47.271						

TT	NỘI DUNG	Tổng số	Trong đó:						Ghi chú				
			Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	Vốn vay	Vốn CT NTM	Vốn CT 135		Vốn huy động			
			ĐTPT	SNKT				ĐTPT			SNKT		
	- Đường nội đồng, đường trục thôn, đường liên xóm	330.316					330.316						
	- Hệ thống cấp nước sinh hoạt	124.699					124.699						
	- Công trình cơ sở hạ tầng cấp xã, thôn	33.000						33.000					
	- Duy tu, bảo dưỡng công trình	2.079								2.079			
5	Chi phí quản lý (0,5% ngân sách tỉnh đầu tư)	976,5				743,0						233,5	
	- Cấp tỉnh (0,15%)	293,0				223,0						70,0	
	- Cấp huyện (0,35%)	683,5				520,0						163,5	

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hoà, ngày tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội khoá XIII phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hoà lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà; Báo cáo thẩm tra số /BC-BDT ngày tháng năm 2016 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hoà, giai đoạn 2016 - 2020, gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đảm bảo an sinh xã hội; nâng cao nhận thức, phát triển nguồn

nhân lực, xây dựng vùng dân tộc thiểu số và miền núi có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, tổ chức các hình thức sản xuất phù hợp, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thu hẹp dần khoảng cách với các vùng đồng bằng của tỉnh, góp phần giảm nghèo bền vững. Củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể:

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số bình quân giảm 5% - 6%/ năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020. Phấn đấu đến năm 2020:

- Thu nhập bình quân của đồng bào dân tộc thiểu số đạt trên 12 triệu đồng/ người/ năm;
- 70% số xã miền núi đạt tiêu chí nông thôn mới về giao thông;
- Tỷ lệ lao động người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề từ trình độ sơ cấp trở lên đến năm 2020 đạt khoảng 40%, tập trung ưu tiên cho đối tượng thanh niên và đào tạo các nghề phi nông nghiệp;
- Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt trên 94%;
- Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 99%;
- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10 tuổi trở lên biết chữ đạt trên 92%;
- Tỷ lệ dân số miền núi được sử dụng nước hợp vệ sinh trên 95%;
- Trên 40% hộ dân tộc thiểu số sử dụng hố xí hợp vệ sinh.

3. Phạm vi thực hiện:

Gồm 40 xã, trong đó 39 xã thuộc 03 khu vực vùng dân tộc và miền núi theo Quyết định số 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân tộc và 01 xã đồng bằng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng thôn, xóm (*phụ lục đính kèm*).

4. Nội dung của chương trình:

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, từ đó hình thành ý thức tự lực, tự cường vươn lên trong cuộc sống. Nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tiêu biểu. Phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, công nghệ, quản lý và khai thác bền vững tài nguyên, môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, phục hồi các làng nghề truyền thống; nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững:

- Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển kinh tế hộ, thoát nghèo bền vững;
- Hỗ trợ vay vốn nhân rộng mô hình phát triển kinh tế hộ;

- Hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo chưa được hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển kinh tế hộ;

- Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; thăm quan, học tập mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả;

- Hỗ trợ thực hiện các nội dung về hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định của Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020.

c) Thực hiện an sinh xã hội:

- Hỗ trợ lắp đặt đường ống dẫn nước vào hộ gia đình đối với những khu vực được đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt;

- Hỗ trợ đào giếng nước đối với những khu vực chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt.

- Hỗ trợ sửa chữa nhà ở đối với hộ dân tộc thiểu số nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015;

- Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo dân tộc thiểu số còn thiếu đất ở, đất sản xuất, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, hoặc hộ nghèo tách hộ có thời gian tối thiểu là 5 năm;

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động dân tộc thiểu số, phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, tăng thu nhập của của đồng bào, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông vào khu sản xuất; đường nội đồng, đường trục thôn, đường liên xóm; xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt.

- Hỗ trợ đầu tư công trình cơ sở hạ tầng cấp xã, thôn của Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 và duy tu, bảo dưỡng các công trình do UBND cấp xã quản lý đối với 5 xã và 8 thôn đặc biệt khó khăn.

5. Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020:

Tổng vốn đầu tư: 745.368 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 149.392 triệu đồng, gồm:

+ Vốn đầu tư phát triển: 107.000 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp kinh tế: 42.392 triệu đồng;

- Ngân sách cấp huyện: 47.571 triệu đồng;

- Vốn vay Ngân hàng CSXH: 90.500 triệu đồng;

- Vốn lồng ghép Chương trình Nông thôn mới: 455.015 triệu đồng;

- Vốn lồng ghép Chương trình 135: 46.912,5 triệu đồng, gồm:

+ Vốn đầu tư phát triển: 33.000 triệu đồng;

- + Vốn sự nghiệp kinh tế: 13.912,5 triệu đồng;
- Vốn huy động: 2.890 triệu đồng.

6. Giải pháp thực hiện:

a) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể; phát huy vai trò già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, vận động. Đồng thời gắn kết với việc xây dựng, tập huấn kỹ thuật, nhân rộng mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả để nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, ý thức trách nhiệm của đồng bào trong việc tham gia thực hiện chương trình, chính sách trên địa bàn.

b) Xác định, lựa chọn mô hình sản xuất phù hợp với năng lực, nhận thức của đồng bào và thế mạnh của địa phương. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng đội ngũ khuyến nông viên, cộng tác viên khuyến nông, những người có kinh nghiệm trong việc nuôi trồng các cây con có giá trị kinh tế cao. Các nhóm cơ quan, đơn vị giúp đỡ xã miền núi tích cực hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào phương tiện phục vụ cho phát triển sản xuất như giống cây trồng, vật nuôi, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, kỹ năng, phương pháp, ứng dụng các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Hình thành các tổ chức hợp tác của nông dân, mở rộng các hình thức hỗ trợ vay vốn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ liên kết nông dân với doanh nghiệp để giải quyết ổn định đầu ra cho sản phẩm. Xây dựng mối liên kết giải quyết việc làm với các doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động địa phương theo nhu cầu lao động tại các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương, trong và ngoài tỉnh.

d) Đẩy mạnh công tác giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ "về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020". Song song đó, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện ở cơ sở để có biện pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém trong quá trình tổ chức thực hiện, nhất là tình hình sử dụng đất đai của đồng bào, khắc phục tình trạng sang nhượng đất đai trái phép trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi; kịp thời kiến nghị đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách cho phù hợp.

đ) Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, công trình giao thông gắn kết với vùng sản xuất của đồng bào, tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hoá và tiêu thụ sản phẩm, hạn chế thiệt hại cho người dân. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả với Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển nguồn nhân lực, Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và các đề án, chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh đối với vùng dân tộc và miền núi, tránh tình trạng đầu tư dàn trải.

e) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển vùng dân tộc và miền núi hướng tới mục tiêu giải quyết, tạo việc làm cho người

lao động vùng dân tộc và miền núi; từng bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất của đồng bào, gắn sản xuất hàng hóa với tiêu thụ sản phẩm. Thu hút, khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, dịch vụ, vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu ... ở vùng dân tộc và miền núi để doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm hàng hóa cho đồng bào, tạo điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm nghèo bền vững.

g) Năm 2016 vẫn thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ của giai đoạn 2011 - 2015 và tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách mới để áp dụng cho giai đoạn 2017 - 2020 nhằm đạt mục tiêu của Chương trình đề ra.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khoá VI kỳ họp thứ 2 thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, các ban Đảng;
- VP Đoàn đại biểu QH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT + BN.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà)

STT	Huyện/ thị xã/ thành phố	Xã/ phường/ thị trấn	Khu vực
1	Huyện Khánh Vĩnh	14 xã	
		1. Xã Giang Ly	III
		2. Xã Sơn Thái	III
		3. Xã Khánh Hiệp	II
		4. Xã Khánh Bình	II
		5. Xã Khánh Trung	II
		6. Xã Khánh Đông	II
		7. Xã Khánh Nam	II
		8. Xã Khánh Thượng	II
		9. Xã Liên Sang	II
		10. Xã Cầu Bà	II
		11. Xã Khánh Thành	II
		12. Xã Khánh Phú	II
		13. Xã Sông Cầu	I
		14. Thị trấn Khánh Vĩnh	I
2	Huyện Khánh Sơn	8 xã	
		1. Xã Thành Sơn	III
		2. Xã Ba Cùm Nam	III
		3. Xã Sơn Lâm	II
		4. Xã Sơn Bình	II
		5. Xã Sơn Hiệp	II
		6. Xã Ba Cùm Bắc	II
		7. Xã Sơn Trung	I
		8. Thị trấn Tô Hạp	I
3	Huyện Cam Lâm	8 xã	
		1. Xã Sơn Tân	III
		2. Xã Cam Phước Tây	I

STT	Huyện/ thị xã/ thành phố	Xã/ phường/ thị trấn	Khu vực
		3. Xã Cam Hiệp Bắc	I
		4. Xã Cam An Nam	I
		5. Xã Suối Cát	I
		6. Xã Suối Tân	I
		7. Xã Cam Tân	I
		8. Xã Cam Hoà	I
4	Thị xã Ninh Hoà	4 xã	
		1. Xã Ninh Tây	II
		2. Xã Ninh Sơn	I
		3. Xã Ninh Tân	I
		4. Xã Ninh Thượng	I
5	Thành phố Cam Ranh	4 xã	
		1. Xã Cam Thịnh Tây	II
		2. Xã Cam Thành Nam	I
		3. Xã Cam Phước Đông	I
		4. Phường Cam Phúc Nam (tổ dân phố Phúc Sơn)	
6	Huyện Diên Khánh	2 xã	
		1. Xã Diên Tân	I
		2. Xã Suối Tiên	I
Tổng cộng: 40 xã			